

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP
(Hiệu lực từ ngày 01/02/2017)

VietinBank eFAST (Internet Banking)		
STT	Loại phí	Mức phí (Đã bao gồm VAT)
Phí duy trì dịch vụ (Áp dụng cho Tài khoản thu phí tương ứng) 1 tháng		
	Tài khoản VND	19.800 VND
	Tài khoản ngoại tệ	19.800 VND/ Tỷ giá quy đổi
Nhóm dịch vụ phí tài chính		
1	Đăng ký sử dụng dịch vụ	Miễn phí
2	Nhóm dịch vụ Tài khoản	Miễn phí
3	Nhóm dịch vụ hỗ trợ	Miễn phí
	Tra soát	22.000 VND
	Gửi yêu cầu dịch vụ	Miễn phí
	Hòm thư	Miễn phí
4	Nhóm Báo cáo	Miễn phí
5	Nhóm Trợ giúp	Miễn phí
Nhóm dịch vụ tài chính		
1	Đăng ký sử dụng dịch vụ	Miễn phí
2	Dịch vụ Chuyển khoản	
2.1	Chuyển khoản trong hệ thống	
	Chuyển khoản giữa 2 Tài khoản mở tại 2 đơn vị cùng tỉnh/TP	5.500 VND/GD (Giữa các Tài khoản của cùng một khách hàng: Miễn phí)
	Chuyển khoản giữa 2 Tài khoản mở tại 2 đơn vị khác tỉnh/TP	0,011% Giá trị GD Tối thiểu: 11.000 VND/GD (Giữa các Tài khoản của cùng một khách hàng: Miễn phí)
2.2	Chuyển khoản ngoài hệ thống	
	Chuyển khoản đi ngân hàng khác hệ thống cùng tỉnh/TP	0,022% Giá trị GD Tối thiểu: 22.000 VND/GD
	Chuyển khoản đi ngân hàng khác hệ thống khác tỉnh/TP	0,033% Giá trị GD Tối thiểu: 22.000 VND/GD
2.3	Chuyển khoản lệnh chi	Theo biểu phí tại quầy giao dịch

3	Dịch vụ Thanh toán	
3.1	<i>Dịch vụ Thu hộ</i>	Theo biểu phí tại quầy giao dịch
3.2	<i>Dịch vụ Chi hộ</i>	Theo biểu phí tại quầy giao dịch
3.3	<i>Dịch vụ Thanh toán lương</i>	Theo biểu phí tại quầy giao dịch
4	Dịch vụ Tiền gửi	
4.1	Tiền gửi có kỳ hạn	Miễn phí
4.2	Rút tiền gửi online tại chương trình eFAST	Miễn phí
5	Dịch vụ Tín dụng	Theo phí chuyển khoản trong hệ thống trên kênh Internet Banking
6	Dịch vụ Nộp Ngân sách nhà nước	- Nộp vào Tài khoản Kho bạc nhà nước trong hệ thống: Miễn phí - Nộp vào Tài khoản Kho bạc nhà nước ngoài hệ thống: 11.000 VND/GD
7	Mua thẻ RSA	330.000 VND/Thẻ
SMS Banking		
1	Thông báo biến động số dư	
	<i>Tài khoản VND</i>	20.000 VND
	<i>Tài khoản ngoại tệ</i>	20.000 VND/Tỷ giá quy đổi
2	Nhận thông báo nhắc nợ	1.650 VND/ SMS